TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 580/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 631/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ A, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mã Thanh G, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ F, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H vắng mặt có đơn; ông G vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới năm 2008 và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 6/2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã. Mặc dù nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên bà về nhà mẹ ruột sống và đã ly thân từ thời gian đó đến nay.

Nay, nhận thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn, quay về chung sống cũng không còn hạnh phúc nên bà nộp đơn và kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Mã Kim P, sinh ngày 15/6/2009; Mã Thị Kim P1, sinh ngày 21/11/2011 và Mã Duy Đ, sinh ngày 04/6/2014, hiện nay con chung đang sống chung với ông G. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông G được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông G. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Cháu Mã Kim P có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện đang sống cùng cha và học lớp 9 trường T1, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha để thuận tiện cho việc đi học và không yêu cầu gì về mẹ.

Cháu Mã Kim P1 có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện đang sống cùng cha và học lớp 7 trường T1, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha và không yêu cầu gì về mẹ.

Cháu Mã Duy Đ có văn bản trình bày ý kiến: Cháu hiện đang sống cùng cha và học lớp 4 trường Tiểu học T1, nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha và không yêu cầu gì về mẹ.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông G theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà H, ông G để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 12/12/2023 tại Văn phòng ấp P, xã P thể hiện ông Mã Thanh G, sinh năm 1984, hiện ở tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Ông G là con của ông Mã Quang K, hiện ông G đi làm ở Bình Dương thỉnh thoảng lễ tết mới về thăm nhà.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Hồ Thị T - mẹ ruột của bà H và ông Mã Quang K – cha ruột của ông G cho biết hôn nhân của bà H và ông G đúng như lời bà H trình bày. Nguyên nhân bà H xin ly hôn là do ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã. Hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng không thành. Vào khoảng tháng 6/2023 bà và ông G mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã về sống với gia đình bà từ đó cho đến nay. Ngoài ra, bà H và ông G còn có 03 con chung hiện đều đang sống cùng ông G. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông G đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H chung sống với ông G đến năm 2023 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông G hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông G xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 29/7/2014 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông G. Tại phiên hòa giải, bà H yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông G. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà tuy mới phát phát sinh từ tháng 6/2023 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà H cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã. C sống không hạnh phúc nên bà H về nhà mẹ ruột sống từ tháng 6/2023 và ly thân ông G cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với chứng cứ Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Mã Kim P, sinh ngày 15/6/2009; Mã Thị Kim P1, sinh ngày 21/11/2011 và Mã Duy Đ, sinh ngày 04/6/2014, hiện nay con chung đang sống chung với ông G. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông G được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, con chung hiện sống ổn định, được đi học, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu. Quan trọng hơn, các con chung đều có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng được tiếp tục sống chung với ông G để thuận lợi cho việc học nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông G vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông G có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông G cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp

nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Mã Thanh G.

2. Về con chung: Ông Mã Thanh G được tiếp tục nuôi cháu Mã Kim P, sinh ngày 15/6/2009; Mã Thị Kim P1, sinh ngày 21/11/2011 và Mã Duy Đ, sinh ngày 04/6/2014, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông G cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008643 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2024) thời hạn kháng cáo của bà H và ông G được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.